

NGUYỄN THANH XUÂN*

CÔNG NHẬN CÁC TỔ CHỨC CAO ĐÀI - ĐẤU AN PHÁP NHÂN TÔN GIÁO THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Tóm tắt: Đạo Cao Đài là một trong những tôn giáo nội sinh, có đông tín đồ, chức sắc của nhiều tổ chức khác nhau, tồn tại chủ yếu ở Nam Bộ. Sau năm 1975, vì nhiều lý do, trong đó có nhận thức về tôn giáo theo xu hướng cực đoan, nhấn mạnh khía cạnh chính trị nên hầu hết các tổ chức tôn giáo ở miền Nam, không được công nhận pháp nhân, không có địa vị pháp lý để hoạt động và đạo Cao Đài cũng không ngoại lệ. Do vậy, bước vào thời kỳ Đổi mới, việc công nhận tư cách pháp nhân các tổ chức tôn giáo, trong đó có các tổ chức Cao Đài là nhiệm vụ quan trọng. Công nhận tư cách pháp nhân các tổ chức Cao Đài được thực hiện đầu tiên và là dấu ấn pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

Từ khóa: Pháp nhân tôn giáo, đạo Cao Đài, các tổ chức Cao Đài, thời kỳ Đổi mới

Dẫn nhập

Đạo Cao Đài là tôn giáo nội sinh, ra đời năm 1926 tại Nam Bộ, sau thời gian ngắn, đã phát triển rất nhanh trở thành một tôn giáo nội sinh lớn có mặt ở vùng Nam Bộ, sau lan tỏa ra miền Trung và miền Bắc. Thời điểm trước và sau giải phóng miền Nam (1975), đạo Cao Đài là một trong những tôn giáo với hàng triệu tín đồ, trên 20 nghìn chức sắc, chức việc, hơn một nghìn cơ sở thờ tự của hơn một chục tổ chức Cao Đài [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 361]. Trước Đổi mới, ngoài những nhận thức và ứng xử tôn giáo theo xu hướng cực đoan, với đạo Cao Đài còn có lý do riêng. Trước hết, đạo Cao Đài được xem là do một số địa chủ, tư sản, công chức thời Pháp thuộc sáng lập, sau đó, đạo Cao Đài bị hút vào những hoạt động chính trị trong bối cảnh xã hội những năm 1940, 1950,... Lại thêm, những hoạt động chống chính

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 15/7/2024; Ngày biên tập: 17/7/2024; Duyệt đăng: 18/11/2024.

quyền cách mạng sau ngày miền Nam giải phóng (1975) của một số chức sắc trong một số tổ chức Cao Đài.

Vì những lý do nói trên, dưới tác động của chính quyền, các tổ chức Cao Đài lần lượt ra quyết định giải tán về tổ chức. Cụ thể: Cao Đài Tây Ninh với Đạo lệnh 01/ĐL-CD, ngày 01/3/1979 giải tán toàn bộ hệ thống hành chính đạo, lập Ban quản lý trông coi Tòa thánh, sau đó, hình thành Hội đồng Chương quản Tòa thánh Tây Ninh - chỉ hoạt động tại Tòa thánh Tây Ninh (Tây Ninh). Cao Đài Ban Chính Đạo với Châu tri 901/CT-HT, ngày 15/8/1985 giải tán bộ máy tổ chức, sau đó lập Ban quản lý Tòa thánh Tổ đình An Hội (Bến Tre); Cao Đài Tiên Thiên với Châu tri 03/CT-HT, ngày 25/8/1987 giải tán bộ máy tổ chức toàn đạo, sau đó lập Ban quản lý Tòa thánh Châu Minh (Bến Tre),... [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 363]. Các chi phái nhỏ tuy không tuyên bố giải tán bộ máy hành chính đạo, nhưng không được phép hoạt động về tổ chức. Không hoạt động về tổ chức nên các chi phái Cao Đài chỉ duy trì một số sinh hoạt tôn giáo của tín đồ ở cơ sở thờ tự và Tòa thánh Tổ đình.

Công nhận pháp nhân tôn giáo là công nhận địa vị pháp lý, sự hợp pháp của tổ chức tôn giáo để các tổ chức tôn giáo thực hiện các chức năng liên quan đến cộng đồng tôn giáo, nhất là đời sống tôn giáo của tín đồ. Do vậy, công nhận tư cách pháp nhân đối với các tổ chức Cao Đài có ý nghĩa rất quan trọng. Vì những đặc thù riêng khác, việc thực hiện công nhận pháp nhân tôn giáo, trong đó có pháp nhân đạo Cao Đài không phải đơn thuần như việc thành lập hay công nhận các đoàn thể xã hội, mà phải trải qua những giai đoạn và những công việc mang tính chuyên ngành trong điều kiện chưa có quy định pháp luật riêng về pháp nhân tôn giáo.

Khác với việc tìm hiểu quá trình công nhận pháp nhân tôn giáo dưới chế độ cũ trước năm 1975 là dựa vào những tư liệu lịch sử cùng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đã được công bố, nghiên cứu pháp nhân đối với đạo Cao Đài dựa chính vào các tư liệu thực tế của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương là Ban Tôn giáo Chính phủ và Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố có liên quan. Đến nay, vấn đề pháp nhân tôn giáo nói chung, đạo Cao Đài nói riêng, chưa có nhiều công trình được công bố. Bài viết này dựa vào các tư liệu văn bản về pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo như: *Văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo* (2004, 2015) của Ban Tôn giáo Chính phủ; *Hồ sơ công nhận tổ chức tôn giáo sau Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo 2005-*

2016; các tài liệu đề nghị công nhận của các tổ chức Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Tây Ninh,... và cuốn sách *Tôn giáo-Nhà nước-Pháp luật* của tác giả Đỗ Quang Hưng; *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*; *Đạo Cao Đài - hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, của tác giả Nguyễn Thanh Xuân. Ngoài ra, còn là tài liệu cá nhân thu thập được khi tác giả công tác tại Ban Tôn giáo Chính phủ, đặc biệt, với tư cách là người đề xuất chủ trương và tổ chức thực hiện vấn đề pháp nhân của đạo Cao Đài mà tác giả đã tích hợp.

1. Chính sách đối với đạo Cao Đài thời kỳ Đổi mới

Việt Nam bước vào thời kỳ Đổi mới vào giữa những năm 80 của thế kỷ XX, qua Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986. Tuy nhiên, đổi mới chính sách tôn giáo chậm hơn so với tiến độ chung là bốn năm. Nghị quyết 24-NQ/TW (1990) đã đặt mốc son cho đổi mới chính sách tôn giáo. Sau đó, Nghị quyết 25-NQ/TW (2003) nâng cao phát triển nhận thức và ứng xử với tôn giáo. Với Nghị quyết 24-NQ/TW (1990), Nghị quyết 25-NQ/TW (2003), Đảng Cộng sản Việt Nam đã mở rộng việc nhận thức tôn giáo - tôn giáo không chỉ là vấn đề tư tưởng, chính trị mà còn là vấn đề tâm linh, nhận thức, lịch sử, văn hóa, đạo đức,... Đã bổ sung nguồn gốc ra đời và tồn tại của tôn giáo - tôn giáo ra đời và tồn tại không chỉ do nguồn gốc liên quan đến tự nhiên và xã hội mà còn do nhiều nguyên nhân khác, trong đó, có những nguyên nhân liên quan đến con người, do vậy, tôn giáo không chỉ là ý thức xã hội, mà còn là một thực thể tồn tại lâu dài trong xã hội. Và, quan điểm của Đảng cũng đã có sự khách quan trong việc đánh giá vai trò của tôn giáo - tôn giáo cũng như mọi tôn tại xã hội khác, bên cạnh những mặt hạn chế, tôn giáo có những ảnh hưởng tích cực, trong đó có giá trị tích cực về văn hóa và đạo đức.

Từ nhận thức mới về tôn giáo, Đảng và Nhà nước có chính sách mới với tôn giáo trên căn bản tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, từ đó bình thường hoạt động về tổ chức của tôn giáo. Đặc biệt, ngay tại Nghị quyết 24-NQ/TW (1990) đã đặt ra việc giải quyết vấn đề pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam bằng việc: *“Các giáo hội và các hệ phái tôn giáo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ mục đích, điều lệ phù hợp với pháp luật nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt hai mặt đạo đời, được Nhà nước xem xét trong tình trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động”* [Ban Tôn giáo Chính phủ, 1990]. Nội dung này của Nghị quyết 24-NQ/TW (1990) mang tính định hướng, nhấn

manh về điều kiện và chuẩn mực của tổ chức tôn giáo, nhưng đây là sự cởi trói cho vấn đề pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Từ đây, việc công nhận các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, đạo Cao Đài là tôn giáo đầu tiên được chọn nghiên cứu xây dựng đề án công tác theo tinh thần đổi mới. Kết quả nghiên cứu và triển khai công tác với đạo Cao Đài sẽ tạo cơ sở lý luận và thực tiễn để tiếp tục giải quyết pháp nhân đối với các tôn giáo khác, như: Phật giáo Hòa Hảo, đạo Tin Lành ở miền Nam và Islam giáo (Hồi giáo),... Đầu năm 1992, với đề xuất của Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Dân vận Trung ương có Tờ trình số 08/TT-DV, ngày 15/01/1992 kèm theo Đề án công tác đối với đạo Cao Đài gửi Ban Bí thư Trung ương Đảng. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chấp thuận Tờ trình và Đề án bằng *Thông báo 34/TB-TW*, ngày 14/11/1992 *Ý kiến về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài* [Ban Tôn giáo Chính phủ, 1992].

Nội dung trong chủ trương mới của Trung ương đối với đạo Cao Đài được thể hiện cụ thể: Nhìn nhận sự ra đời của đạo Cao Đài là một tất yếu khách quan ở Nam Bộ; quá trình phát triển của đạo Cao Đài dù có nhiều yếu tố chính trị phức tạp, thậm chí có một bộ phận bị các thế lực đế quốc lợi dụng nhưng đạo Cao Đài vẫn là một tôn giáo với đầy đủ các thành tố đã ổn định như: giáo lý, luật lệ, lễ nghi, chức sắc, tổ chức giáo hội,... Cùng với việc công nhận Cao Đài là một tôn giáo, đồng thời, hướng dẫn các hệ phái Cao Đài xây dựng tổ chức giáo hội mới vừa phù hợp với luật đạo, vừa phù hợp với pháp luật, yêu cầu quản lý xã hội và thực tế tình hình của các hệ phái Cao Đài, trong đó chú trọng hai cấp: Hội thánh trung ương (cấp toàn đạo) và họ đạo (cấp cơ sở). Sau khi có tư cách pháp nhân, các tổ chức Cao Đài tiến hành các hoạt động tôn giáo theo đúng như quy định của pháp luật trên các mặt: sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, hoạt động của chức sắc và của tổ chức tôn giáo, như: đào tạo, công cử, điều chuyển chức sắc, việc sửa chữa xây dựng nơi thờ tự, việc in ấn xuất bản kinh sách, các hoạt động về tổ chức mang tính truyền thống, như: Hội Nhơn sanh, Hội thánh, Thượng hội, Hội Vạn linh,...

Việc đổi mới chính sách tôn giáo đã mở ra những nhận thức và ứng xử đối với tôn giáo, trong đó có đạo Cao Đài, và đây là tôn giáo đầu tiên được thụ hưởng việc công nhận pháp nhân tôn giáo thời kỳ Đổi mới.

2. Triển khai chủ trương của Đảng và hướng dẫn các tổ chức Cao Đài chuẩn bị đại hội

Công nhận tổ chức tôn giáo là vấn đề rất mới, còn có những ý kiến khác nhau, trong điều kiện Nghị quyết 24-NQ/TW là văn bản nội bộ nên chỉ một số cán bộ được tiếp cận. Do vậy, Thông báo 34-TB/TW Về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài ban hành đầu năm 1992 nhưng phải gần hai năm sau, giữa năm 1994 mới triển khai bằng việc Ban Dân vận Trung ương ra văn bản Hướng dẫn 21-HD/TW, ngày 25/6/1994 Về thực hiện Thông báo 34-TB/TW. Sau đó, những cuộc họp nội bộ để quán triệt và triển khai Thông báo 34-TB/TW (1992) và Hướng dẫn 21-HD/TW (1994) đối với các ngành và các địa phương có đạo Cao Đài, nhất là những nơi có Tòa thánh Tổ đình của các hội thánh Cao Đài, như Tây Ninh, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Tiền Giang, Đà Nẵng,...

Dựa theo tiền lệ hoạt động của các tổ chức đoàn thể xã hội, của quá trình thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981), việc phục hồi, hình thành và công nhận tư cách pháp nhân của một tôn giáo cần có những quy trình cụ thể: tổ chức đại hội thông qua hiến chương (hoặc điều lệ) và bầu nhân sự lãnh đạo giáo hội - hai yếu tố để công nhận một tổ chức tôn giáo theo cơ chế truyền thống. Do nhiều năm không hoạt động về tổ chức, nên để làm những công việc chuẩn bị cho đại hội phải hình thành tổ chức mang tính lâm thời. Với đạo Cao Đài là các Ban vận động hoặc các Ban tổ chức. Mặt khác, đổi mới công tác đối với đạo Cao Đài là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước liên quan đến một tôn giáo có đông tín đồ, chức sắc, và có những vấn đề lịch sử để lại. Đây cũng là sự đổi mới đầu tiên, cụ thể đối với một tôn giáo. Do đó, cần được triển khai đầy đủ và chu đáo, trong đó có việc thông tin, quán triệt về chính sách đổi mới đối với tôn giáo và đối với đạo Cao Đài.

Dựa theo cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động, có thể chia đạo Cao Đài thành ba loại: 1- Đa số các chi phái có hệ thống tổ chức chặt chẽ với ba hoặc bốn cấp hành chính đạo theo Tân luật - Pháp chánh truyền (Giáo luật của đạo Cao Đài), như: Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Ban Chính đạo, Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Minh Chơn Đạo, Truyền giáo Cao Đài, Cao Đài Cầu Kho Tam Quan,... 2- Một số chi phái nhỏ xây dựng cơ cấu tổ chức đơn giản hai cấp hành chính đạo theo Ngọc đế Chân truyền (cũng được coi là Giáo luật của một số chi phái Cao

Đài), như: Cao Đài Chiếu Minh Long Châu, Cao Đài Thượng Đế,... hoặc tồn tại như những pháp môn tu hành, như các cơ sở của Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, hoặc cơ sở tồn tại như cơ quan chuyên môn của đạo Cao Đài như Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý; 3- Các cơ sở Cao Đài tồn tại độc lập ở từng thánh thất như Cao Đài Cầu Kho (Nam Thành Thánh Thất), Thánh thất Bầu Sen,... với tổng cộng khoảng hơn 21 cơ sở [Đình Quang Tiến, 2021: 59].

Đạo Cao Đài có nhiều tổ chức, mỗi tổ chức lại có những đặc điểm lịch sử, tôn giáo và phạm vi hoạt động khác nhau. Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo và Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được chọn để triển khai Thông báo 34/TB-TW (1992) vì hai tổ chức Cao Đài này cùng có Tòa thánh Tổ đình tại Bến Tre, có quá trình ủng hộ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; và hai tổ chức Cao Đài này cùng có đặc điểm là trong quá trình tồn tại và phát triển đều phân rã về tổ chức. Cụ thể: Cao Đài Ban Chính đạo Bến Tre và Cao Đài Ban Chính đạo Đô Thành của Cao Đài Ban Chính đạo; Cao Đài Tiên Thiên Châu Minh và Cao Đài Tiên Thiên Minh Đức của Cao Đài Tiên Thiên. Việc công nhận pháp nhân là điều kiện để hai tổ chức Cao Đài thống nhất, khắc phục sự phân rã trong lịch sử.

Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 8/1994, tại Tòa thánh Tổ đình Châu Minh (Bến Tre) hội nghị với sự tham gia của hơn hai trăm chức sắc Cao Đài Tiên Thiên gồm Cao Đài Tiên thiên Châu Minh và Cao Đài Tiên Thiên Minh Đức. Hội nghị do ba vị chức sắc cao cấp của hai khối chủ trì là: Đầu sư Nguyễn Văn Ngoạt (Thượng Ngoạt Thanh) và Đầu sư Bùi Văn Huỳnh (Thái Huỳnh Thanh), Đầu sư Ngọc Trầm Thanh (Võ Ngọc Trầm). Tại hội nghị, Ban Tôn giáo Chính phủ quán triệt chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo và với đạo Cao Đài. Hội nghị đã suy cử *Ban Vận động Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên* gồm 15 chức sắc của cả Cao Đài Tiên Thiên Châu Minh và Cao Đài Tiên Thiên Minh Đức do Đầu sư Nguyễn Văn Ngoạt (Thượng Ngoạt Thanh) làm Trưởng ban [Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh Bến Tre: 1994]. Trong điều kiện giáo hội chưa được tái lập, Ban Vận động đảm nhiệm chức năng như một Hội thánh lâm thời để giải quyết một số việc đạo sự với vai trò giáo quyền một cách phù hợp.

Cùng thời gian này, một hội nghị do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức được tổ chức tại Tòa thánh Tổ đình An Hội (Bến Tre) với gần 300 chức sắc của Cao Đài Ban Chính đạo Bến Tre và Cao Đài Ban

Chỉnh đạo Đô Thành. Đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ đã đến dự và triển khai chủ trương mới của Đảng và Nhà nước đối với tôn giáo và đối với đạo Cao Đài. Tại hội nghị này, các chức sắc đều phản ánh nguyện vọng “hoàn nguyên” Hội thánh tức là hợp nhất tổ chức Cao Đài Ban Chỉnh đạo để xây dựng một Hội thánh chung. Hội nghị đã cử ra *Ban Vận động Cao Đài Ban Chỉnh Đạo* gồm 15 chức sắc của cả Ban Chỉnh Bến Tre và Ban Chỉnh Đô Thành do Phối sư Châu Văn Phon (Ngọc Phon Thanh) là Trưởng ban, Phối sư Trần Văn Liệp (Ngọc Liệp Thanh) làm Phó ban [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 369].

Sau các bước triển khai của Cao Đài Tiên Thiên và Cao Đài Ban Chỉnh đạo, tháng 10/1995, hội nghị gồm các chức sắc Hội thánh Truyền giáo Cao Đài được tổ chức tại Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng). Sau khi được Ban Tôn giáo Chính phủ quán triệt chính sách đổi mới đối với tôn giáo và với đạo Cao Đài, hội nghị đã bầu *Ban Vận động tổ chức Hội nhân sinh Hội thánh Truyền Giáo Cao Đài* gồm chín chức sắc. Hội nghị cũng cử *Ban cố vấn* gồm ba chức sắc hỗ trợ cho công việc của Ban Vận động do Giáo sư Nguyễn Đạt Đức (Thượng Hậu Thanh) làm Trưởng ban [Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, 1995]. Ban Vận động tổ chức Hội nhân sinh Hội thánh Truyền giáo Cao Đài cũng bắt tay vào việc chuẩn bị cho đại hội đại biểu thông qua Hiến chương và nhân sự lãnh đạo hội thánh.

Riêng đối với Cao Đài Tây Ninh, tháng 11/1996, các thành viên Hội đồng Chương quản được đại diện chính quyền tỉnh Tây Ninh phổ biến chính sách mới của Đảng và Nhà nước đối với đạo Cao Đài. Hội đồng Chương quản Cao Đài Tây Ninh đã cử ra Ban tổ chức chuẩn bị Đại hội đại biểu Cao Đài Tây Ninh gọi tắt là *Ban Tổ chức Cao Đài Tây Ninh* gồm 30 chức sắc do Phối sư Hồ Ngọc Thơ (Thượng Thơ Thanh) làm Trưởng ban, Giáo sư Nguyễn Văn Tám (Thượng Tám Thanh) làm Phó ban [Ban Tôn giáo tỉnh Tây Ninh, 1996]. Ban Tổ chức Cao Đài Tây Ninh bắt tay vào việc xây dựng dự thảo Hiến chương và chuẩn bị đại hội đại biểu để thông qua hiến chương và nhân sự lãnh đạo hội thánh.

Các Hội thánh Cao Đài khác, như Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cao Đài Chiếu Minh Long Châu,... được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương - nơi có Tòa thánh Tô đình triển khai việc thành lập Ban vận động để chuẩn bị các bước cho việc công nhận pháp nhân tôn giáo.

Sau khi được thành lập, Ban Vận động của các tổ chức Cao Đài Thiên Thiên, Cao Đài Ban Chính, Truyền Giáo Cao Đài, Ban Tổ chức Cao Đài Tây Ninh,... đến từng địa phương để chuẩn bị các bước cho việc công nhận tư cách pháp nhân. Và một trong những nhiệm vụ quan trọng của các Ban Vận động là xây dựng bản dự thảo Hiến chương (hoặc Điều lệ) để cùng với dự kiến nhân sự lãnh đạo giáo hội được thông qua tại đại hội. Các Ban Vận động đều xác định yêu cầu của Hiến chương là phải dựa vào luật gốc của đạo Cao Đài (hoặc là theo Tân luật - Pháp chánh truyền, hoặc là theo Ngọc đế chân truyền - Đại thừa chân giáo), phải dựa vào quy định của pháp luật để vừa giữ được nét đặc trưng của đạo Cao Đài, phải có sự riêng khác của từng chi phái, đồng thời thích ứng với môi trường xã hội mới. Nội dung của Hiến chương bao gồm xác định tên gọi, tôn chỉ mục đích, sự thờ phụng; xác định đường hướng hoạt động trong đạo, ngoài xã hội; xác định về tín đồ, chức sắc, chức việc và phẩm trật chức sắc; xác định tổ chức giáo hội và cơ chế mối quan hệ của tổ chức giáo hội; xác định chế độ sinh hoạt của tổ chức giáo hội, chế độ tuyên dương và xử phạt; xác định về tài chính, tài sản của hội thánh,...

Như vậy, chủ trương chính sách tôn giáo của Đảng đối với tôn giáo nói chung và đối với đạo Cao Đài nói riêng mặc dù là những văn bản nội bộ nhưng đã được Ban Tôn giáo Chính phủ, các cơ quan chức năng và các địa phương quán triệt và triển khai một cách phù hợp tạo chuyển biến về nhận thức trong hệ thống chính trị, và nhất là hướng dẫn các tổ chức Cao Đài chuẩn bị các bước trong quá trình công nhận tư cách pháp nhân.

3. Các tổ chức Cao Đài tiến hành đại hội thông qua Hiến chương và bầu cơ quan lãnh đạo

Đại hội đại biểu dưới các hình thức để thông qua Hiến chương, hình thành cơ cấu tổ chức và nhân sự lãnh đạo là nội dung quan trọng của quá trình công nhận pháp nhân tôn giáo. Với đạo Cao Đài có nhiều tổ chức với cơ chế hoạt động khác nhau nên việc tổ chức đại hội của mỗi tổ chức Cao Đài cũng khác nhau. Có những tổ chức Cao Đài lại tổ chức *Hội Vạn linh* là hình thức sinh hoạt quy mô lớn nhất, gồm chức sắc Thượng hội, Hội thánh và đại biểu tín đồ (nhân sanh); có tổ chức Cao Đài tổ chức *Hội thánh* là hội nghị gồm các chức sắc là chủ yếu; có tổ chức Cao Đài tổ chức *Hội Nhân sinh (sanh)* lấy đại biểu tín đồ và chức sắc là quan trọng.

Sau một thời gian chuẩn bị rất rối ráo và trách nhiệm, tháng 3/1995, khi thấy hội đủ các điều kiện, Ban Vận động Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên quyết định mở Hội Vạn linh tại Tòa thánh Châu Minh (huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre) với 600 đại biểu tham dự. Hội Vạn linh Cao Đài Tiên Thiên thông qua Hiến chương với sự thống nhất cao. Hiến chương Cao Đài Tiên Thiên gồm 12 chương 47 điều. Sau này qua một số lần tu chỉnh nhưng hầu như không thay đổi về nội dung và cấu trúc. Ngoài Lời nói đầu, Hiến chương Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên với các chương cụ thể: chương I: Danh xưng - Tòa thánh - Tôn chỉ; chương II: Tổ chức và cơ chế lãnh đạo; chương III: Thượng hội; chương IV: Hội thánh; chương V: Hội Nhơn sanh và Hội Vạn linh; chương VI: Họ đạo Thánh tịnh; chương VII: Ban Đại diện tỉnh, thành phố; chương VIII: Chế độ sinh hoạt định kỳ; chương IX: Chức sắc và chế độ công cử chức sắc; chương X: Thặng thưởng - Kỷ luật; chương XI: Tài sản - Tài chính; Chương XII: Sửa đổi Hiến chương [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003]. Hiến chương của Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được đánh giá là bản “Hiến chương tiêu chuẩn” vừa đảm bảo yêu cầu của một bản hiến chương, vừa mang được nét đặc trưng của đạo Cao Đài, vừa thể hiện sự riêng khác của Cao Đài Tiên Thiên, vừa phù hợp với hoàn cảnh xã hội hiện tại. Điều được giới Cao Đài và giới quản lý trân trọng hơn nữa vì trước đây Cao Đài Tiên Thiên chưa xây dựng Hiến chương hay Điều lệ như một số tổ chức Cao Đài khác.

Về cơ cấu tổ chức và cơ chế lãnh đạo, Hiến chương Cao Đài Tiên Thiên xây dựng giáo hội hai cấp: cơ quan giáo quyền trung ương gồm Thượng hội và Hội thánh; các họ đạo ở cơ sở; ở những tỉnh, thành phố có nhiều họ đạo lập Ban Đại diện. Đặc biệt, Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên đã hình thành một cơ chế mới là *Ban Thường trực Hội thánh* gồm bảy người do Chánh Phối sư Nguyễn Ngọc Hối (Ngọc Hối Thanh) làm Trưởng ban [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 375]. Ban Thường trực Hội thánh có chức năng điều hành các hoạt động của Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên.

Ngay sau khi Hội Vạn linh Cao Đài Tiên Thiên thành công, được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân về mặt tổ chức, hai Hội thánh Cao Đài ở miền Tây Nam Bộ là Cao Đài Minh Chơn Đạo và Cao Đài Chiếu Minh Long Châu cũng tiến hành tổ chức Hội Nhân sinh. Việc tiếp cận chính sách đối với đạo Cao Đài và công việc chuẩn bị cho Hội Nhân sinh (Đại hội đại biểu) ở hai tổ chức Cao Đài này rất thuận lợi và nhanh chóng vì hai hội thánh này có nhiều chức sắc tham gia các công

tác xã hội. Tháng 4/1996, tại Tòa thánh Ngọc Säck, tỉnh Cà Mau, Cao Đài Minh Chơn Đạo tổ chức Hội Nhân sinh toàn phái với sự tham dự của hơn 300 đại biểu tín đồ, chức sắc. Hội Nhân sinh đó thông qua bản *Đường hướng hành đạo* (tương tự như Hiến chương). Bản Đường hướng hành đạo gồm 13 chương và 39 điều [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003]. Hội Nhân sinh của Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo đã suy cử Ban Thường trực Hội Thánh - Đầu mối của Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo. Ban thường trực Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo gồm 14 người do Khai pháp Đặng Thế Hùng là Trưởng ban, Đầu sư Nguyễn Văn Sáng (Thượng Sáng Thanh), Đầu sư Trần Đức Tăng (Thái Tăng Thanh) làm Phó Trưởng ban [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 377].

Tiếp theo, tháng 7/1996, Hội thánh Truyền giáo Cao Đài tổ chức Hội Nhân sinh tại Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng) với sự tham dự của 450 chức sắc, chức việc và đại biểu tín đồ các họ đạo ở 14 tỉnh, thành phố. Hội Nhân sinh Hội thánh Truyền giáo Cao Đài đã thông qua *Đạo quy* (tương tự như Hiến chương) và nhân sự lãnh đạo Hội thánh. Đạo quy Hội thánh Truyền giáo Cao Đài gồm 12 chương, 63 điều [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003]. Hội nhân sinh Hội thánh Truyền giáo Cao Đài đã bầu ra Hội đồng Lưỡng đài Hội thánh là đầu mối của Hội thánh Truyền giáo Cao Đài, tương tự như Ban Thường trực của một số Hội thánh Cao Đài, do Phối sư Trịnh Trung Tín (Thượng Tín Thanh) làm Chủ trưởng, Giáo sư Nguyễn Đạt Đức (Thượng Hậu Thanh) làm Phó Chủ trưởng [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 380-381].

Sau hơn một năm chuẩn bị, kể từ khi thành lập Ban tổ chức, tháng 4/1997, Đại hội đại biểu Hội thánh Cao Đài Tây Ninh được khai mạc tại Tòa thánh Tây Ninh với sự tham dự của hơn 500 đại biểu gồm các chức sắc và đại biểu tín đồ được cử từ các họ đạo ở 37 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đại hội đại biểu Hội thánh Cao Đài Tây Ninh đã thông qua *Hiến chương* mới, *Điều lệ cầu phong, cầu thăng chức sắc*. Về mặt tổ chức, Cao Đài Tây Ninh không duy trì hệ thống giáo quyền năm cấp như cũ mà thiết kế gọn lại theo mô hình hai cấp hành chính, chính thức là Hội thánh trung ương và họ đạo cơ sở. Đại hội đại biểu Cao Đài Tây Ninh đã suy cử chức sắc Hội đồng Chương quản - đầu mối của Hội thánh Cao Đài Tây Ninh. Phối sư Hồ Ngọc Thơ (Thượng Thơ Thanh) được bầu là Hội trưởng, Giáo sư Nguyễn Văn Tám (Thượng Tám Thanh) và Cải trang Lê Minh Khuyên làm Phó Hội trưởng Hội đồng Chương quản Hội thánh Cao Đài Tây Ninh [Ban Tôn giáo tỉnh Tây Ninh, 1997].

Tháng 7/1997, mặc dù còn một số họ đạo chưa đồng lòng “hoàn nguyên”, Ban Vận động Hội thánh Cao Đài Ban Chính Đạo vẫn quyết định tổ chức Đại hội Đại biểu nhân sinh tại Tòa thánh An Hội, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre với sự tham gia của hơn 600 đại biểu chức sắc và tín đồ của 220/250 họ đạo ở 32 tỉnh, thành phố. Đại hội Đại biểu nhân sinh đã thông qua bản Hiến chương gồm chín chương, 54 điều [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003]. Về mặt tổ chức, như các hệ phái Cao Đài khác, Cao Đài Ban Chính Đạo cũng xây dựng giáo hội hai cấp: Hội thánh trung ương và họ đạo, ngoài ra có Ban Đại diện hoặc Đại diện ở các tỉnh, thành phố. Hội thánh Cao Đài Ban Chính Đạo đã bầu ra Ban Thường trực Hội thánh gồm chín người do Phối sư Tô Văn Pho là Trưởng ban [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 369].

Ngoài các tổ chức Cao Đài nói trên, các tổ chức Cao Đài, cơ sở Cao Đài khác hoạt động trong phạm vi một tỉnh, thành được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương đều làm thủ tục để công nhận tư cách pháp nhân một cách phù hợp.

Có thể thấy, quá trình chuẩn bị và tổ chức các đại hội dưới các hình thức khác nhau theo truyền thống của các tổ chức Cao Đài đã đạt được kết quả rất quan trọng. Hiến chương (hoặc Điều lệ, Đạo quy, Đường hướng hành đạo,...) đã được thống nhất thông qua, nhân sự lãnh đạo đã được bầu chọn. Đây chính là những tiêu chí để được chính quyền chính thức công nhận tư cách pháp nhân.

4. Các quyết định của chính quyền về việc công nhận tư cách pháp nhân đối với các tổ chức Cao Đài

Trong khi chưa có quy định pháp luật cụ thể về thủ tục và phân cấp hành chính nên việc công nhận pháp nhân đối với đạo Cao Đài thời kỳ này dựa vào tiền lệ đã thực hiện với Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam năm 1958, Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 và một số đoàn thể xã hội khác. Các tổ chức Cao Đài sau khi đại hội thông qua Hiến chương và nhân sự lãnh đạo phải có văn bản chính thức xin công nhận. Kèm theo hồ sơ là ý kiến chuyển tiếp của chính quyền cấp tỉnh nơi có trụ sở - Tòa thánh Tổ đình. Cụ thể từng tổ chức Cao Đài được công nhận theo thời gian từ năm 1996 đến năm 2000, như sau:

Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên. Sau Hội Vạn linh, Ban Thường trực Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên đã tiến hành các thủ tục hành chính trình Thủ tướng Chính phủ để công nhận qua Văn thư đề nghị số 129/TT-BVĐ, ngày 28/3/1995. Đồng thời, trước đó Ủy ban Nhân

dân tỉnh Bến Tre có văn bản cho phép tổ chức Hội Vạn linh qua Công văn 130/CV-UB ngày 28/02/1995. Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 3693/NC ngày 06/7/1995 của Văn phòng Chính phủ, Quyền Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Vũ Gia Tham ra Quyết định 51/QĐ-TGCP ngày 29/7/1995, về việc công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên [Nguyễn Thanh Xuân 2015: 375]. Riêng với Cao Đài Tiên Thiên, năm 1997, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre có Công văn số 777/CV-UB, ngày 13/8/1997, *Chấp thuận Luật công cử chức sắc Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên*. Sau khi được công nhận, các hoạt động của Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được phục hồi. Đến năm 2020, Hội thánh có 80.000 tín đồ, 129 thánh thất ở 16 tỉnh, thành phố, trong đó những tỉnh có đông tín đồ như: Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long,... [Đình Quang Tiến, 2021: 383].

Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang. Sau Hội Nhân sinh, Ban Thường trực Hội thánh có Văn thư đề nghị số 02/VT-HT, ngày 13/4/1996 xin công nhận Hội thánh Minh Chơn Đạo Hậu Giang; đồng thời, Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau có ý kiến chuyển tiếp tại Công văn số 275/ CV-UB ngày 19/4/1999. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 68/NC, ngày 30/3/1996 của Văn phòng Chính phủ, Quyền Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Vũ Gia Tham ra Quyết định 39/QĐ-TGCP ngày 02/8/1996, về việc công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo Hậu Giang [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003: 261]. Sau khi được công nhận, các hoạt động của Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo Hậu Giang phục hồi. Đến năm 2020, Hội thánh có: 36.000 tín đồ, 49 thánh thất tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang,... [Đình Quang Tiến, 2021: 383].

Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên là tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân đầu tiên thời kỳ Đổi mới nên có những ý kiến khác nhau. Chính phủ giao Ban Tôn giáo Chính phủ trao đổi thống nhất nên thời gian từ khi đại hội đến khi công nhận là hơn năm tháng. Đối với Cao Đài Tiên Thiên, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận qua Công văn Công văn số 3693/NC ngày 06/7/1995 của Văn phòng Chính phủ. Sau đó, đối với Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo và các Hội thánh Cao Đài khác, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến một lần qua Thông báo 68/NC, ngày 30/3/1996 của Văn phòng Chính phủ.

Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu. Dựa trên tờ trình kết quả Hội Nhơn sanh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu, được sự ủy quyền của Ban Tôn giáo Chính phủ tại Công văn số 222/CV-TGCP, ngày 24/7/1996, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ Bùi Hữu Trí đã ra Quyết định số 1562/QĐ-CT-H, ngày 27/7/1996 công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức của Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 378]. Cũng như các tổ chức Cao Đài, sau khi được công nhận, Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu phục hồi các hoạt động. Năm 2020 Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu có 3.000 tín đồ, 21 thánh thất tập trung chủ yếu ở tỉnh Hậu Giang [Đình Quang Tiến, 2021: 386].

Hội thánh Truyền giáo Cao Đài. Sau Hội Nhân sinh, Ban Vận động của Hội thánh Truyền giáo Cao Đài có Văn thư đề nghị số 053/BVĐTC, ngày 16/7/1996 xin công nhận Hội thánh Truyền giáo Cao Đài; đồng thời, Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có ý kiến chuyển tiếp tại Công văn số 27/ TT-TG ngày 27/8/1996. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 68/NC ngày 30/3/1996 của Văn phòng Chính phủ, Quyền Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Vũ Gia Tham ra Quyết định 40/QĐ-TGCP ngày 24/ 9/1996, về việc công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Truyền giáo Cao Đài [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 381]. Sau khi có tư cách pháp nhân, Hội thánh Truyền giáo Cao Đài triển khai các hoạt động về tổ chức để đến năm 2020 có số lượng 50.000 tín đồ, 63 thánh thất, chủ yếu ở các tỉnh miền Trung [Đình Quang Tiến, 2021: 385].

Hội thánh Cao Đài Tây Ninh. Sau Đại hội đại biểu, Ban Tổ chức có Văn thư đề nghị số 80/72-HĐCQ-VT, ngày 08/7/1997 xin công nhận Hội thánh Cao Đài Tây Ninh; đồng thời, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh có ý kiến chuyển tiếp qua Công văn 64/CV-UB, ngày 22/4/1997. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 68/NC ngày 30/3/1996 của Văn phòng Chính phủ, Quyền Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Vũ Gia Tham ký Quyết định 10/QĐ-TGCP ngày 24/9/1997, về việc công nhận tư cách pháp nhân tổ chức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, quen gọi là Hội thánh Cao Đài Tây Ninh [Ban Tôn giáo Chính phủ 2003: 163]. Sau khi được công nhận tư cách pháp nhân, các hoạt động của Hội thánh Cao Đài Tây Ninh được phục hồi. Năm 2020, Hội thánh Cao Đài Tây Ninh có trên dưới 1 triệu tín đồ, 387 thánh thất, 145 điện thờ Phật Mẫu ở hầu hết các tỉnh Nam Bộ, trong đó, các tỉnh có đông tín đồ như: Tây Ninh,

Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang,... [Đình Quang Tiến, 2021: 382].

Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo. Sau Đại hội Đại biểu nhân sinh, Ban Vận động Cao Đài Ban Chính đạo có Văn thư đề nghị số 03/TĐN/BBT; đồng thời, với Văn thư đề nghị là ý kiến chuyển tiếp của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre qua Công văn 710/CV-UB, ngày 25/7/1997. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 68/NC ngày 30/3/1996 của Chính phủ, Quyền Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Vũ Gia Tham ra Quyết định 26/QĐ-TGCP, ngày 08/8/1997, về việc chấp thuận tư cách pháp nhân Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 388]. Sau khi được công nhận, các hoạt động của Cao Đài Ban Chính đạo được phục hồi. Năm 2020, Hội thánh Ban Chính đạo có 800.000 tín đồ, 300 chức sắc, 245 thánh thất có mặt ở 25 tỉnh thành phía Nam, trong đó, một số tỉnh có đông tín đồ, như Bến Tre, Long An, Trà Vinh, Tiền Giang, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi,... [Đình Quang Tiến, 2021: 384].

Hội thánh Cao Đài Bạch Y Liên đoàn Chơn lý. Dựa trên tờ trình kết quả Hội Nhân sinh Cao Đài Bạch Y Liên đoàn Chơn lý, được sự ủy quyền của Ban Tôn giáo Chính phủ tại Công văn số 258/TGCP-V3, ngày 29/6/1998, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang Huỳnh Vĩnh Ái đã ra Quyết định số 60/TB-UB ngày 08/7/1998, về công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức của Hội thánh Cao Đài Bạch Y Liên đoàn Chơn lý quen gọi là Cao Đài Bạch Y [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 363]. Cũng như các tổ chức Cao Đài, sau khi được công nhận, Hội thánh Cao Đài Bạch Y phục hồi các hoạt động. Năm 2020 Hội thánh Cao Đài Bạch Y có 5.000 tín đồ, 14 thánh thất ở bốn tỉnh, thành phố, trong đó tập trung chủ yếu ở tỉnh Kiên Giang [Đình Quang Tiến, 2021: 385].

Hội thánh Cao Đài Chơn lý. Trên cơ sở xem xét kết quả Đại hội Đại biểu nhân sinh tại Văn thư ngày 21/01/2000 của Ban Vận động và ý kiến chuyển tiếp của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Công văn số 91/CV-UB ngày 01/02/2000, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 68/NC ngày 30/3/1996 của Chính phủ, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Lê Quang Vịnh ra Quyết định 16/2000/QĐ-TGCP, về việc công nhận tổ chức và hoạt động của Hội thánh Cao Đài Chơn lý [Nguyễn Thanh Xuân, 2015: 392]. Sau khi được công nhận, Hội thánh Cao Đài Chơn lý phục hồi các hoạt động. Năm 2020 Hội

thánh Cao Đài Chơn lý có 14.000 tín đồ, 29 thánh thất ở 16 tỉnh, thành phố, trong đó tập trung chủ yếu ở tỉnh Tiền Giang [Đinh Quang Tiến, 2021: 384].

Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan. Trên cơ sở xem xét kết quả Đại hội Đại biểu nhân sinh tại Văn thư ngày 24/3/2000 của Ban Vận động và ý kiến chuyển tiếp của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định tại Công văn số 586/UB-NC ngày 31/3/2000, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo 68/NC ngày 30/3/1996 của Chính phủ, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ Lê Quang Vịnh ra Quyết định 199/2000/QĐ-TGCP, về việc công nhận tổ chức và hoạt động của Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2003: 340],... Sau khi được công nhận, Hội thánh Cao Đài Tam Quan Bình Định phục hồi các hoạt động. Năm 2020 Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan có 11.000 tín đồ, 26 thánh thất ở tám tỉnh, thành phố, trong đó tập trung chủ yếu ở tỉnh Bình Định [Đinh Quang Tiến, 2021: 385].

Cùng thời gian này, Cơ quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo tại Tp. Hồ Chí Minh cũng sắp xếp lại tổ chức đăng ký hoạt động với chính quyền Tp. Hồ Chí Minh. Ngày 02/8/2000 Ban Tôn giáo TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 300/QĐ-TG công nhận *Quy chế hoạt động* và nhân sự lãnh đạo của Cơ quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo. Những năm 2001-2002, ở các địa phương cũng tiến hành các thủ tục công nhận các cơ sở tu hành hoặc các cơ sở độc lập của Cao Đài như: Cao Đài Thượng Đế (Cần Thơ), Chiếu Minh Đàn (Vĩnh Long),... [Nguyễn Thanh Xuân, 2020: 538].

Việc công nhận pháp nhân của đạo Cao Đài là vấn đề vừa mới, vừa lớn, vừa khó ở thời kỳ Đổi mới. *Mới* là chưa có quy định pháp luật cụ thể về pháp nhân tôn giáo để tiền khai đối với đạo Cao Đài; *lớn* là liên quan đến đạo Cao Đài - một tôn giáo có nhiều tổ chức khác nhau tồn tại ở nhiều địa phương, trong đó có địa phương là đầu mối của tổ chức cao Đài; *khó* là phải giải quyết nhận thức về tôn giáo, về pháp nhân tôn giáo đối với đạo Cao Đài còn có sự khác nhau liên quan những vấn đề lịch sử để lại. Tất cả đã vượt qua đạt được kết quả tốt đẹp. Pháp nhân tôn giáo của đạo Cao Đài là một chặng đường quan trọng của pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

Thay lời kết

Giáo hội hay Hội thánh là một thiết chế quyền lực để quản trị cộng đồng tín đồ và lo các công việc chung của một tổ chức tôn giáo, đồng

thời, duy trì mối quan hệ giữa tôn giáo với nhà nước. Thời kỳ cận hiện đại, hầu hết các quốc gia theo nguyên tắc chính - giáo phân ly đều thực hiện công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức của các tôn giáo. Như vậy, Pháp nhân là địa vị pháp lý của tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận. Vì nhiều lý do, sau giải phóng miền Nam (1975), các tổ chức tôn giáo ở miền Nam trong đó có đạo Cao Đài không được công nhận tư cách pháp nhân, không được hoạt động về tổ chức. Bước vào thời kỳ Đổi mới, đạo Cao Đài là tôn giáo được xem xét công nhận tư cách pháp nhân. Với thời gian gần năm năm, từ năm 1995 đến năm 2000 đã có chín hội thánh Cao Đài tổ chức đại hội, dưới các hình thức Hội Vạn linh, Hội Nhân sinh, Đại hội Đại biểu để Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân.

Công nhận về tổ chức đã làm thay đổi căn bản đối với hoạt động của các tổ chức Cao Đài theo xu hướng tích cực, góp phần vào sự ổn định của tôn giáo, ổn định của đất nước. Không những thế, công nhận pháp nhân các tổ chức Cao Đài được tiến hành theo những bước đi từ thành lập Ban vận động để chuẩn bị các bước tiến tới đại hội thông qua Hiến chương (Điều lệ), chuẩn bị nhân sự lãnh đạo. Đồng thời, về phía chính quyền đã phân cấp thực hiện một cách phù hợp. Đặc biệt, các tổ chức Cao Đài đã xác định đường hướng tiến bộ gắn bó với dân tộc, chế độ và tuân thủ pháp luật, đọng lại ở mệnh đề: “Nước Vinh - Đạo Sáng” hoặc “Phụng Đạo - Yêu Nước”. Do vậy, pháp nhân đối với đạo Cao Đài còn tạo những kinh nghiệm và bước đi để cụ thể hoá trong những quy định pháp luật sau này, nhất là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Cũng cần nói thêm, mệnh đề pháp nhân đã được sử dụng đối với tôn giáo từ khi công nhận các tổ chức Cao Đài, nhưng về mặt pháp luật phải đợi đến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) mới chính thức được sử dụng đối với tổ chức tôn giáo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2000), *Các văn bản của nhà nước về hoạt động tôn giáo* (Quyển 2), Tài liệu lưu trữ, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2003), *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo tại Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2016), *Các quyết định công nhận tổ chức tôn giáo thời kỳ đổi mới*, Tài liệu lưu trữ, Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo tỉnh Bến Tre (1994), *Ban vận động Hội thánh Cao Đài Thiên Thiên*, Bến Tre.

5. Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1995), *Ban vận động Hội thánh Truyền giáo Cao Đài, Đà Nẵng*.
6. Ban Tôn giáo tỉnh Tây Ninh (1996), *Ban Tổ chức Cao Đài Tây Ninh, Tây Ninh*.
7. Đinh Quang Tiến (2021), *Giá trị văn hoá của đạo Cao Đài*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Nguyễn Thanh Xuân (2015), *Đạo Cao Đài - Hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội 2013.
9. Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

RECOGNITION OF CAO DAI ORGANIZATIONS – A LEGAL MILESTONE FOR RELIGIOUS ENTITIES DURING THE RENOVATION PERIOD

Nguyen Thanh Xuan

Ho Chi Minh National Academy of Politics

Caodaism is one of the indigenous religions in Vietnam, with many followers and clergy belonging to organizations, primarily concentrated in southern Vietnam. After 1975, for various reasons, including an extreme perception of religion that emphasized its political aspects, most religious organizations in the South were not granted legal recognition and, therefore, had no legal status to operate, including Caodaism. Entering the Renovation (Đổi Mới) period, the legal status recognition of religious organizations, including Caodaism organizations, became a crucial task. The recognition of Caodaism organizations' legal status was among the first to be implemented. This marked a milestone in the legal recognition of religious entities in Vietnam during the Renovation period.

Keywords: Legal status, religious entities, Caodaism, renovation.